

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/DS-PT

Ngày: 28/3/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng
Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: bà
Vũ Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023
“Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và QSDĐ ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2023/QĐ-PT ngày
02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố H - Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố H - Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Tấn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Đào Văn X (C1), sinh năm 1976;
3. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1976 ;
4. Chị Đào Thị Diễm T, sinh năm 1994;
5. Chị Đào Thị Thu D, sinh năm 1997;
6. Đào Thị Mỹ H2 (Mỹ H3), sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của Đào Thị Mỹ H2 là ông Đào Văn X, sinh năm 1976 (cha) và bà Võ Thị C, sinh năm 1975 (mẹ).

7. Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 2000;
8. Chị Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 2004;
9. Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 2010;

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Mỹ Q là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (cha) và bà Võ Thị H1, sinh năm 1976 (mẹ).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, TP . - Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là bà Võ Thị C là nguyên đơn của vụ án.
(Bà C, ông L, ông X, bà H1, chị T, chị D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp này của ông, bà để lại cho cha bà, cha bà để lại cho bà và bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Vào ngày 02/9/2011 (âm lịch) bà có sang nhượng cho ông Nguyễn Văn L diện tích đất là 120m², có chiều ngang 06m, chiều dài 20m, thuộc thửa số 397, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp với giá là 24.000.000đ. Bà đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và đã giao đất cho ông L quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở từ đó cho tới nay. Khi chuyển nhượng các bên chỉ có viết giấy tay, không có làm hợp đồng công chứng, chứng thực theo quy định và hiện nay bà vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thì ông L còn lấn chiếm thêm phần diện tích đất của bà đối với chiều dài, nên phần đất của ông L hiện nay dài một đầu là 22,79m và một đầu là 23,39m. Diện tích bà chuyển nhượng là 120m², tuy nhiên hiện nay ông L quản lý, sử dụng là 138,3m² (tại vị trí I trong Sơ đồ đo đạc). Đồng thời trong quá trình sử dụng thì ông L cũng

lần chiếm thêm phần diện tích đất của bà là 45,7m² (tại vị trí II trong Sơ đồ đo đạc). Nhiều lần bà yêu cầu ông L trả lại diện tích đất đã lần chiếm này như ông L ngoan cố và hiện nay đã bao hàng rào lại mà không trả lại đất cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/9/2011 (âm lịch) giữa bà với ông Nguyễn Văn Lơ 1 vô hiệu (hủy hợp đồng), yêu cầu ông L phải di dời nhà, hàng rào và tài sản, công trình khác trả lại diện tích đất mà bà đã chuyển nhượng và phần diện tích mà ông L lần chiếm ra thêm, tổng diện tích đất là 184m². Trong đó cụ thể là: Diện tích bà chuyển nhượng là 138,3m² (vị trí I trong Sơ đồ đo đạc), đất thuộc một phần các thửa số 397, 5 và 1156, cùng tờ bản đồ số 03, trong đó thửa số 397 hiện do bà đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất; Diện tích đất lần chiếm là 45,7m² (vị trí II trong Sơ đồ đo đạc), thuộc một phần các thửa số 5 và 1156, cùng tờ bản đồ số 03. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Bà thống nhất trả lại cho ông L số tiền chuyển nhượng đã nhận là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Bà thống nhất với Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá.

Ngoài ra bà không tranh chấp hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn trình bày:* Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, vì diện tích đất này bà C đã chuyển nhượng cho ông từ ngày 02/9/2011 (âm lịch), ông đã trả tiền chuyển nhượng đầy đủ là 24.000.000đ cho bà C và xây dựng nhà ở ổn định từ tháng 4/2012 đến nay. Việc mua bán chuyển nhượng giữa hai bên là tự nguyện và có làm giấy viết tay ngày 02/9/2011 (âm lịch), với diện tích là 120m², có chiều ngang là 06m, dài là 20m. Do không rành thủ tục, không có tiền nộp thuế và không có thời gian nên chưa đi làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Hiện nay phần đất mà ông đã chuyển nhượng này vẫn còn do bà C đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Nay do ông đã quản lý, sử dụng phần đất này ổn định từ khi chuyển nhượng cho tới nay và đã xây dựng nhà ở nên ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà C, ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông với bà C có hiệu lực pháp luật, buộc bà C phải sang tên, chuyển nhượng QSD đất cho ông phần diện tích đất diện tích là 112,4m² (tại vị trí A mốc 1', 2, 2', 6B, 6C và 1' theo Sơ đồ bổ sung), thuộc một phần thửa 397, tờ bản đồ số 03, hiện giấy chứng nhận QSD đất bà C đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Còn các diện tích đất tranh chấp còn

lại ông không tranh chấp hay yêu cầu gì, ông chuyển nhượng đất của bà C diện tích thực tế bao nhiêu thì nay ông yêu cầu bà Cao sang t chuyển nhượng lại bấy nhiêu.

Diện tích ông yêu cầu bà Cao sang t, chuyển nhượng là $112,4m^2$ thiếu $7,6m^2$ so với diện tích mà bà C đã chuyển nhượng cho ông (diện tích chuyển nhượng là $120m^2$) thì ông cũng thống nhất, không tranh chấp hay yêu cầu gì thêm đối với bà C, vì đây là diện tích thực tế khi hai bên chuyển nhượng đã giao đất trên thực tế cho nhau. Phần diện tích đất tranh chấp nào của người dân và được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà C thì yêu cầu bà Cao sang t, chuyển nhượng cho ông. Phần diện tích đất tranh chấp nào thuộc về nhà nước thì ông không tranh chấp yêu cầu gì, khi nào nhà nước lấy đất lại thì ông thống nhất giao, không cần bồi thường, hỗ trợ gì cả.

Ông thống nhất với Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp của Tòa án và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá.

Ngoài ra ông không tranh chấp hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn X, chị Đào Thị Diễm T, chị Đào Thị Thu D, chị Đào Thị Mỹ H2 trình bày:* Thống nhất với yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị Mỹ T1, chị Nguyễn Thị Mỹ T2, chị Nguyễn Thị Mỹ Q trình bày:* Thống nhất với yêu cầu và lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn L.

*** Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Nguyễn Văn L vô hiệu.

Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị C với ông Nguyễn Văn L đối với diện tích đất $112,4m^2$ (trong phạm vi các mốc 1', 2, 2', 6B, 6C và 1' theo Sơ đồ bổ sung), thuộc một phần thửa số 397, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ bà Võ Thị C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật.

Buộc hộ bà Võ Thị C (bao gồm bà Võ Thị C, ông Đào Văn X, chị Đào Thị Diễm T, chị Đào Thị Thu D, chị Đào Thị Mỹ H2) chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích phần đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn L theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng diện tích đất được công nhận nêu trên theo quy định pháp luật.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký biến động đối với diện tích đất được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2022 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc số 06/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐTĐTPHN ngày 14/4/2022 và Sơ đồ bổ sung của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L trả lại phần diện tích đất 71,6m², thuộc một phần thửa số 05 và một phần thửa số 1156, cùng tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, Đồng Tháp (đất giao thông và đất thủy lợi do Nhà nước quản lý).

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự là đã có đủ điều kiện khởi kiện.

Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Võ Thị C phải chịu án phí là 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 900.000đ mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0006365 ngày 26/11/2021. Hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu số 0006365 ngày 26/11/2021 và 300.000đ theo biên lai thu số 0006546 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng là 3.053.000đ (đã làm tròn), nguyên đơn bà Võ Thị C phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (Bà C đã tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2023, Bà Võ Thị C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà với ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Võ Thị C xin rút toàn bộ đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; nếu ông Nguyễn Văn L không đồng ý thì bà vẫn giữ kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà với ông L.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Võ Thị C là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Cao giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị C xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên, phía bị đơn là ông Nguyễn Văn L không đồng ý và bà C không rút kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút toàn bộ khởi kiện của bà C và vẫn tiếp tục xem xét kháng cáo của bà C.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà C kháng cáo không đồng ý công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C với ông L đối với phần diện tích đất 112,4m² (trong phạm vi các mốc 1', 2, 2', 6B, 6C và 1' theo Sơ đồ bổ sung), thuộc một phần thửa số 397, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hiện do hộ bà Võ Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà yêu cầu hủy hợp đồng, bà sẽ trả lại số tiền chuyển nhượng đã nhận cho ông L 24.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của các đương sự, cho thấy việc phía bà C có chuyển nhượng đất phần đất này cho phía ông L có thật; mặc dù việc chuyển nhượng này chỉ được lập giấy viết tay (ngày 02/9/2011 - âm lịch), không có công chứng, chứng thực và không có

đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tức có vi phạm về mặt hình thức của hợp đồng, nhưng phía ông L đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho phía bà C (24.000.000đ) và phía bà C cũng đã giao đất cho phía ông L sử dụng ổn định đến nay (cát nhà ở kiên cố từ tháng 4/2012), nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng này là phù hợp theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với phần diện tích đất 71,6m² mà bà C khởi kiện yêu cầu ông L phải trả lại cho bà vì cho rằng đây là diện tích đất của bà mà ông L đã bao chiếm thì là đất giao thông và đất thủy lợi do Nhà nước quản lý, đồng thời các bên đương sự cũng không có tranh chấp về tài sản, công trình trên đất, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà C là đúng pháp luật; các đương sự cũng không có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 117, 129, 500 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị C.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Nguyễn Văn L vô hiệu.

Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị C với ông Nguyễn Văn L đối với diện tích đất 112,4m² (trong phạm vi các mốc 1', 2, 2', 6B, 6C và 1' theo Sơ đồ bổ sung), thuộc một phần thửa số 397, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ bà Võ Thị C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật.

Buộc hộ bà Võ Thị C (bao gồm bà Võ Thị C, ông Đào Văn X, chị Đào Thị Diễm T, chị Đào Thị Thu D, chị Đào Thị Mỹ H2) chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích phần đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn L theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng diện tích đất được công nhận nêu trên theo quy định pháp luật.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký biến động đối với diện tích đất được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2022 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc số 06/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐĐTPHN ngày 14/4/2022 và Sơ đồ bổ sung của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L trả lại phần diện tích đất 71,6m², thuộc một phần thửa số 05 và một phần thửa số 1156, cùng tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố H, Đồng Tháp (đất giao thông và đất thủy lợi do Nhà nước quản lý).

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự là đã có đủ điều kiện khởi kiện.

Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Võ Thị C phải chịu án phí là 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 900.000đ mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0006365 ngày 26/11/2021. Hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu số 0006365 ngày 26/11/2021 và 300.000đ theo biên lai thu số 0006546 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng là 3.053.000đ (đã làm tròn), nguyên đơn bà Võ Thị C phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (bà C đã tạm ứng và chi xong).

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006889 ngày 17/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồng Ngự (đã nộp xong)

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS thành phố Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy